

337
BAO
2004

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Báo cáo phát triển thế giới 2005

Môi trường Đầu tư Tốt hơn cho Mọi người

(Sách tham khảo)

Người dịch: VŨ CƯỜNG
NGUYỄN QUỲNH HOA
LÊ ĐỒNG TÂM
NHỮ LÊ THU HƯƠNG
Hiệu đính: VŨ CƯỜNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

VL - D2 / 296

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản
Abbreviations and Data Notes xvi

Tổng quan 1

- Môi trường đầu tư là vấn đề trung tâm của tăng trưởng và giảm đói nghèo 1
Xử lý chi phí, rủi ro, và rào cản đối với cạnh tranh 6
Một quá trình, chứ không phải là một sự kiện 10
Chú trọng việc cung cấp đáp ứng các nhu cầu cơ bản 13
Tiến xa hơn những nhu cầu cơ bản sẽ có thêm những thách thức mới 18
Cộng đồng quốc tế có thể giúp một tay 20

PHẦN I

Cải thiện môi trường đầu tư 23

- 1 Môi trường đầu tư, tăng trưởng và đói nghèo 25
Hiểu biết về môi trường đầu tư 27
Việc cải thiện môi trường đầu tư có thể thúc đẩy tăng trưởng và giảm đói nghèo như thế nào 32
Mài sắc trọng tâm hướng vào giảm nghèo 40
Tạo dựng môi trường đầu tư tốt hơn cho tất cả mọi người 42
- 2 Đối mặt với những thách thức cơ bản 48
Sự giằng co căn bản: Sở thích của doanh nghiệp hay lợi ích công cộng 48
Kiểm chế hành vi trục lợi 53
Tạo dựng độ tin cậy 61
Nuôi dưỡng lòng tin của quần chúng và tính chính đáng 67
Đảm bảo các đối sách phản ánh sự phù hợp tốt về thể chế 70
Tạo sự tiến triển 72
- 3 Tiến hành chương trình cải cách rộng lớn 74
Xác định mục tiêu ưu tiên 77
Quản lý các cuộc cải cách riêng biệt 90

Duy trì động lực 95
Tăng cường năng lực 99

PHẦN II Cung cấp những yếu tố cơ bản 103

- 4 Ổn định và an ninh 105
Xác lập các quyền về đất đai và các tài sản khác 107
Tạo thuận lợi cho việc buộc thực thi hợp đồng 113
Giảm tội phạm 119
Chấm dứt các hành động chiếm đoạt tài sản không có đền bù 124

- 5 Điều tiết và đánh thuế 129
Điều tiết doanh nghiệp 130
Đánh thuế doanh nghiệp 144
Điều tiết và đánh thuế tại cửa khẩu 150

- 6 Tài chính và cơ sở hạ tầng 155
Thị trường tài chính 156
Cơ sở hạ tầng - Yếu tố liên kết các doanh nghiệp và mở rộng các cơ hội 168
Giao thông - khắc phục khó khăn về khoảng cách 179

- 7 Người lao động và thị trường lao động 184
Nuôi dưỡng một lực lượng lao động có trình độ và có sức khỏe 186
Hình thành các can thiệp để đem lại lợi ích cho tất cả mọi người lao động 191
Bảo đảm các quy định tại nơi làm việc phù hợp với thể chế 196
Giúp người lao động đương đầu với thay đổi 205

PHẦN III Không dừng lại ở các yếu tố thiết yếu? 213

- 8 Những can thiệp có chọn lọc 215
Sự quyền rũ - và những cái bẫy - của các can thiệp có chọn lọc 216
Kinh nghiệm trong những lĩnh vực cụ thể 222

9	Các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế	237
	Các thoả thuận quốc tế và môi trường đầu tư	237
	Nâng cao tín nhiệm	239
	Tăng cường sự hoà hợp	245
	Giải quyết các ảnh hưởng lan tỏa quốc tế	247
	Các thách thức trong tương lai	250

PHẦN IV

Cộng đồng quốc tế có thể giúp đỡ như thế nào 253

10	Cộng đồng quốc tế có thể giúp đỡ như thế nào	255
	Loại bỏ những méo mó về mặt chính sách ở các nước phát triển	256
	Cung cấp sự hỗ trợ ngày càng hiệu quả	256
	Xây dựng một chương trình kiến thức cơ bản	263

Ghi chú 267

Chú thích 269

Tài liệu tham khảo 284

Các chỉ số chọn lọc 335

	Đo lường môi trường đầu tư	336
	Các thách thức trong việc đo lường môi trường đầu tư	336
	Các thước đo mới của Ngân hàng Thế giới	338
	Các chú thích kỹ thuật	343

Giới thiệu về các Chỉ báo Tình hình

	Phát triển Thế giới chọn lọc	347
	Nguồn dữ liệu và phương pháp luận	347
	Những thay đổi trong hệ thống tài khoản quốc gia	348
	Phân loại các nền kinh tế và thước đo sơ lược	348
	Thuật ngữ và tỷ lệ mẫu nước	348
	Các chú thích kỹ thuật	359

Hình

- 1 Đầu tư tư nhân trong nước vượt trội so với đầu tư trực tiếp nước ngoài 2
- 2 Năng suất chiếm một tỷ trọng lớn trong mức tăng trưởng 3
- 3 Áp lực cạnh tranh lớn hơn thì đổi mới hơn 4
- 4 Tăng trưởng quan hệ mật thiết với giảm nghèo 4
- 6 Nền kinh tế phi chính thức là đáng kể ở nhiều nước đang phát triển 5
- 5 60.000 người nghèo đã coi việc làm và tự tạo việc làm là con đường thoát nghèo như thế nào 5
- 7 Quy mô và cơ cấu chi phí có sự thay đổi rất lớn 6
- 8 Các doanh nghiệp nhỏ và phi chính thức thường chịu thiệt hại nặng nề nhất của những rào cản trong môi trường đầu tư 7
- 9 Các trở ngại được doanh nghiệp phản ánh - so sánh giữa các nước Bungari, Grudia, và Ucraina 11
- 10 Doanh nghiệp ở các nước đang phát triển thiếu tin tưởng vào toà án để bảo vệ quyền về tài sản của họ 14
- 11 Sự không thoả đáng trong tài chính và cơ sở hạ tầng ở nhiều nước đang phát triển là rất nghiêm trọng 15
- 12 Các doanh nghiệp thường coi việc thiếu kỹ năng và các qui định về lao động là những trở ngại nghiêm trọng 16
- 13 Giá trị gia tăng trong ngành chế tác ở một nước riêng lẻ có thể lớn hơn nhiều so với nguồn tài chính phát triển chính thức thuần toàn cầu 20
- 1.1 Các thể chế được đo lường theo nghĩa rộng, rõ ràng có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng 27
- 1.2 Quy mô và cơ cấu chi phí khác biệt rất lớn 30
- 1.5 Các điều kiện về môi trường đầu tư trong cùng một nước cũng khác nhau 31
- 1.4 Áp lực cạnh tranh có thể khác biệt rất lớn giữa các nước 31
- 1.3 Tình trạng không tiên liệu được về các quy định điều tiết là mối quan ngại lớn của doanh nghiệp

31

- 1.6 Các điều kiện về môi trường đầu tư có thể khác nhau đến doanh nghiệp 32
- 1.7 Tăng trưởng kinh tế nhanh là một hiện tượng hiện đại 33
- 1.9 Đóng góp của đầu tư tư nhân vào GDP đang tăng lên 34
- 1.8 Tăng trưởng nhanh, bền vững ở Đông Á - và giảm ở châu Phi Hạ Sahara 34
- 1.10 Đầu tư tư nhân ở các nước có môi trường đầu tư tốt hơn thì tăng nhanh hơn 35
- 1.11 Sự khác biệt về TFP là nguyên nhân lớn nhất gây ra sự chênh lệch trong tăng trưởng GDP trên đầu công nhân 36
- 1.12 Nhiều áp lực cạnh tranh hơn thì có nhiều sáng tạo hơn 38
- 1.13 Đóng góp của việc gia nhập rộng đối với sản lượng là lớn hơn khi các rào cản cho việc gia nhập được giảm xuống 39
- 1.14 Xoá đói giảm nghèo có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng 41
- 1.15 Việc làm tư trả lương và thu nhập làm công là những cách để thoát nghèo 42
- 1.16 Những nền kinh tế mới nổi tạo được nhiều việc làm hơn - nhất là ở các nước đang phát triển 43
- 1.17 Nền kinh tế phi chính thức là chủ yếu ở nhiều nước đang phát triển 44
- 1.18 Tăng GDP gần với tăng doanh thu thuế - mở ra cơ hội để tài trợ các dịch vụ phục vụ người nghèo 46
- 2.7 Sự bất định về chính sách là mối quan ngại của cả doanh nghiệp nhỏ PB 63
- 2.1 Tiêu điểm của việc hối lộ có thể rất khác nhau 54
- 2.2 Càng nhiều thủ tục về khởi sự doanh nghiệp càng trì hoãn nhiều và tham nhũng lắm 5
- 2.3 Doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn hơn thì gặp trở ngại hơn 59
- 2.4 Doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn hơn thì sáng ít hơn 60

- 2.6 Sự bất định của chính sách chiếm phần lớn sự quan ngại của doanh nghiệp về môi trường đầu tư 61
- 2.5 Chủ nghĩa thân quen sẽ giảm xuống khi tính trách nhiệm được tăng cường - và các cơ quan lập pháp đóng vai trò đặc biệt quan trọng 61
- 2.7 Sự bất định về chính sách là mối quan ngại của cả doanh nghiệp nhỏ 63
- 2.9 Tăng cường tính tiên liệu của chính sách có thể làm tăng xác suất đầu tư mới thêm hơn 30% 64
- 2.8 Doanh nghiệp có nhiều khả năng sẽ đầu tư khi chính sách được xem như đáng tin cậy 64
- 2.10 Sức mạnh của những ràng buộc: chính phủ ít tùy tiện thì rủi ro đầu tư thấp 66
- 2.11 Hỗ trợ thị trường không phải lúc nào cũng tương hợp với tăng trưởng kinh tế - như trường hợp của châu Mỹ Latinh 68
- 2.12 Ủng hộ mạnh mẽ cho thương mại và kinh doanh quốc tế - nhưng ít tin tưởng hơn vào các tập đoàn 69
- 3.1 Trở ngại được các doanh nghiệp phản ánh - so sánh giữa Bungari, Grudia và Ucraina 78
- 3.3 Sự tham gia của phụ nữ tập trung trong khu vực phi chính thức và trong những doanh nghiệp nhỏ nhất 82
- 3.2 Tính phi chính thức cũng có nhiều cấp độ khác nhau 82
- 3.5 Tổng kim ngạch xuất khẩu và FDI ở các nước đang phát triển trong thập kỷ 90 đã tăng vọt 85
- 3.4 Đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào GDP không thay đổi nhiều lắm theo thu nhập - nhưng tầm quan trọng tương đối của các doanh nghiệp chính thức và phi chính thức thì khác biệt rất lớn 85
- 3.6 Tiếp cận đến phát minh công nghệ - những nguồn chính 89
- 4.1 Không được cấp giấy chứng nhận? 108
- 4.2 Hoạt động cho thuê ở Tuynidi phổ biến hơn ở Ai Cập và Libăng đó là nhờ luật pháp đã tạo thuận lợi cho việc thu hồi tài sản 112
- 4.3 Nhiều doanh nghiệp không tin toà án sẽ bảo vệ quyền về tài sản của họ 116
- 4.4 Cải cách đã đẩy nhanh chóng công việc toà án ở Venêxuêla 117
- 4.5 Tội phạm gây ra cái giá quá đắt cho nhiều nền kinh tế châu Mỹ Latinh 119
- 4.6 Tội phạm là trở ngại lớn nhất đối với doanh nghiệp ở tất cả các khu vực 120
- 4.7 Kinh doanh đầy may rủi 125
- 5.1 Các nước thu nhập thấp có xu hướng điều tiết nhiều hơn 130
- 5.2 Khởi sự doanh nghiệp mới ở các nước đang phát triển mất nhiều thời gian và tốn kém hơn 135
- 5.3 Doanh nghiệp lớn tốn nhiều thời gian hơn để đối phó với các quy định và thường xuyên bị thanh tra hơn 136
- 5.4 Doanh nghiệp với các quy mô khác nhau đều coi sự giải thích của quan chức về các quy định là không thể lường trước 138
- 5.5 Mặc dù luật pháp mạnh nhưng chính sách cạnh tranh ở các nước đang phát triển có vẻ vẫn ít hiệu lực 142
- 5.7 Doanh thu thuế công ty ổn định và tăng lên trong thập kỷ 90, trừ ở châu Âu và Trung Á 145
- 5.6 Thuế suất công ty và thuế giá trị gia tăng tương đương nhau giữa các nước có thu nhập cao và các nước đang phát triển 145
- 5.8 Ổn định và tăng trưởng thuế các doanh nghiệp ở Uganda và Camorun 147
- 5.9 Nhiều doanh nghiệp xếp quản lý thuế là trở ngại nghiêm trọng 147
- 5.11 Hạn chế đối với FDI đã giảm trong ngành chế tác, nhưng vẫn tồn tại trong các ngành khác 151
- 5.10 Hầu hết những thay đổi trong các quy định quốc gia về FDI đều nhằm giảm các trở ngại 151
- 5.12 Hoàn thành thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu - từ chưa đến 2 ngày tới 18 ngày 153
- 6.1 Những thiếu thốn về tài chính và cơ sở hạ tầng rất gay gắt đối với nhiều nước đang phát triển 155

- 6.3 Các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước đang bám chặt, đặc biệt là ở Ấn Độ, và Trung Đông và Bắc Phi 159
- 6.4 Những bản khoản về cơ sở hạ tầng do các hãng phản ánh thay đổi theo quy mô và ngày 168
- 6.5 Có nhiều nước đang phát triển hơn thu hút khu vực tư nhân vào việc cung cấp kết cấu hạ tầng 170
- 6.7 Mật độ viễn thông tăng thuận chiều với tăng chất lượng môi trường đầu tư, ngay cả khi thu nhập giữ nguyên 171
- 6.6 Đầu tư vào các dự án về kết cấu hạ tầng có sự tham gia của tư nhân giảm trong thời gian gần đây 171
- 6.8 Nhận thức là có công bằng cho phép giảm tỷ suất lợi nhuận hứa hẹn với một mức độ bảo vệ luật pháp cho trước 172
- 6.9 Thời gian lắp đặt điện thoại bị kéo dài - tình trạng phổ biến, đặc biệt là khi vắng bóng cạnh tranh 175
- 6.11 Canh tranh thúc đẩy phát triển điện thoại di động ở Tiểu Sahara của châu Phi 176
- 6.10 Tự do hoá và điều hành tốt thúc đẩy tốc độ lắp đặt điện thoại 176
- 6.12 Canh tranh trong lĩnh vực điện thoại quốc tế vẫn còn hạn chế hoặc bị cấm ở nhiều nước đang phát triển 177
- 6.13 Nhiều ngày mất điện trong năm và tỷ trọng các hãng có trạm phát điện riêng tăng lên 178
- 6.14 Chi phí giao thông và viễn thông đang giảm 180
- 7.1 Tại nhiều quốc gia, các hãng đánh giá trình độ lao động thấp và các quy định về lao động là những cản trở nghiêm trọng 184
- 7.2 Tại nhiều nước đang phát triển, tỷ trọng dân số hoàn thành giáo dục trung học và cao hơn vẫn còn rất thấp 187
- 7.3 Những hạn chế về trình độ và các công ty đổi mới 189
- 7.4 Tại nhiều quốc gia đang phát triển, mức lương tối thiểu là rất cao, và tại những mức lương tối thiểu cao, sự tuân thủ là rất thấp 195
- 7.5 So với các nước phát triển, các quốc gia đang

- phát triển có những quy định chặt chẽ về số giờ làm việc và thời gian nghỉ phép lương 197
- 7.6 Trong những năm 90, tốc độ thay thế của các nước phát triển và các nước đang phát triển cao 198
- 7.7 Tốc độ thay thế việc làm là cao do sự gia tăng cũng như sự rời bỏ ngành của các hãng đã xác định lại vị trí giữa những hãng đang phát triển 199
- 7.8 Nhiều quốc gia đang phát triển có các hạn chế về tuyển dụng và sa thải chặt chẽ hơn các nước phát triển 200
- 7.9 Quy định chặt chẽ về lao động không dễ dàng việc tạo thêm sự bình đẳng trên thị trường lao động 202
- 7.10 Tạo việc làm và xoá bỏ việc làm không đồng nhất với nhau là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp 203
- 7.11 Sau cải cách lao động năm 1990, tốc độ tăng việc làm tại Colombia trở nên cao hơn 205
- 7.12 Các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có mức thu nhập thấp, thường ít có hỗ trợ để giảm lao động đối phó với những rủi ro do thất nghiệp so với các nước phát triển 205
- 8.1 Canh tranh đã tăng lên do nhiều nước mở cửa nhiều loại hàng hoá hơn 218
- 8.2 Các ưu đãi có thể rất tốn kém 230
- 8.3 Hỗ trợ chính sách do các cơ quan xúc tiến thương mại thực hiện chỉ nhận được một phần nhỏ trong sách 232
- 8.4 Các khoản trợ cấp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn nhà nước dành cho hoạt động nghiên cứu và triển khai tư nhân ở nhiều nước đang phát triển 235
- 9.1 Sự tham gia vào các hiệp ước đầu tư song phương (BITs) đã tăng mạnh trong những năm gần đây 241
- 9.2 Tổng đầu tư của NAFTA và Mêhicô 241
- 10.1 Giá trị gia tăng của ngành chế tác ở một nước đang phát triển lớn hơn rất nhiều so với lượng tài trợ phát triển chính thức ròng trên toàn cầu

Hộp

- 1 Triển vọng môi trường đầu tư 2
- 1 Doanh nghiệp ở các nước đang phát triển đánh giá các trở ngại trong môi trường đầu tư như thế nào? 8
- 3 Thực hiện một chương trình hành động rộng lớn bài học từ Trung Quốc, Ấn Độ, và Uganda 10
- 4 Thông điệp chính của Báo cáo Phát triển Thế giới năm 2005 21
- 1.1 Môi trường đầu tư có nghĩa là gì? 26
- 1.2 Những nguồn số liệu mới về môi trường đầu tư do Ngân hàng Thế giới cung cấp 28
- 1.3 Yếu tố địa lý là quan trọng, nhưng không phải định mệnh 29
- 1.4 Môi trường có ý nghĩa quan trọng đối với phúc lợi và năng suất: Những thông điệp chính từ Báo cáo Phát triển Thế giới năm 2005 32
- 1.5 Cải thiện môi trường đầu tư và tăng trưởng: trường hợp của Trung Quốc, Ấn Độ và Uganda 35
- 1.6 Đo lường năng suất 36
- 1.7 Tăng trưởng với môi trường đầu tư yếu kém - có thể được, nhưng khó mà bền vững 38
- 1.8 Phát triển một sản phẩm là quá trình học hỏi - như Huyndai đã cho thấy 38
- 1.9 Tính cơ động của doanh nghiệp 39
- 1.10 Chứng minh cho hiệu quả tiềm năng của việc cải thiện môi trường đầu tư 40
- 1.11 Tăng trưởng có thể chuyển hoá thành tăng thu nhập cho người nghèo như thế nào 42
- 1.12 Phụ nữ và môi trường đầu tư 43
- 2.1 Quản trị quốc gia và môi trường đầu tư 50
- 2.2 Lịch sử của doanh nghiệp 50
- 2.3 Doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội 51
- 2.4 Sự khác biệt giữa các doanh nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến lựa chọn chính sách và mục tiêu ưu tiên của họ? 53
- 2.5 Sự tước đoạt Gécamines ở Zaire của Mòbutu 55
- 2.6 Giàu trữ lượng tài nguyên: May mắn hay bất hạnh? 55
- 2.7 Đấu tranh chống tham nhũng ở Bôtxoana và Litva 56
- 2.8 Hình thức can thiệp: cần bao nhiêu sự cố vũ để có được sự minh bạch? 59
- 2.9 Các hiệp hội doanh nghiệp và môi trường đầu tư 60
- 2.10 Giảm sự bất định của chính sách để thúc đẩy đầu tư 62
- 2.11 Tinh thần kinh doanh và sự bất định 63
- 2.12 Sức mạnh của sự tin cậy 65
- 2.13 Tạo dựng độ tin cậy dựa vào sự kiên trì ở Uganda 67
- 2.14 Làm sáng tỏ các thỏa thuận giữa chính phủ và doanh nghiệp về tài nguyên và cơ sở hạ tầng 70
- 2.15 Phân cấp và môi trường đầu tư 71
- 2.16 Chính phủ điện tử và môi trường đầu tư 72
- 3.1 Các nước đang phát triển đầu tư theo cách của họ như thế nào? 73
- 3.2 Các nước đang phát triển đầu tư theo cách của họ như thế nào? 73
- 3.3 Liên doanh nghiệp có thể đóng vai trò gì đặc biệt trong môi trường kinh tế không? 84
- 3.5 Xuất khẩu và nhập khẩu mới liên hệ là gì? 85
- 3.4 Hội nhập quốc tế đặc biệt quan trọng đối với nước nhỏ 86
- 3.6 Tự do hoá thương mại ở Ấn Độ - những bằng chứng gần đây 87
- 3.7 Cư dân ở nước ngoài - vai trò của di dân và ngoại kiều 88
- 3.8 Mở rộng phạm vi cải tiến các chính sách một cách khả thi và đáng có 90
- 3.9 Sáng kiến Bulldozer ở Bôxnia và Hécxgôvina 94
- 3.11 Theo dõi việc cải thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam 96
- 3.10 Cơ chế tham vấn ở Litvi và Thổ Nhĩ Kỳ 96
- 3.12 Sự trưởng thành của một tổ chức cổ sủy cho cải cách ở Xênegan 98
- 3.13 Mạng lưới các cán bộ chuyên nghiệp về điều tra trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng 100
- 4.2 Cải cách về quyền tài sản ở Trung Quốc: Chỉ mô

- 8.1 Những thành công bất ngờ ở Bangladesh và Kenya 217
- 8.3 Việc hợp nhất các doanh nghiệp phi chính thức ở Durba 223
- 8.4 Tín dụng nông thôn ở Braxin 224
- 8.5 Duy trì quy mô nhỏ ở Ấn Độ - do thiết kế chính sách gây ra 227
- 8.6 Các đặc khu kinh tế của Trung Quốc 228
- 8.8 Tổ chức Thương mại Thế giới và sự can thiệp có chọn lọc 229
- 8.7 Các khu chế xuất ở Môrituyt và Cộng hoà Đominich 229
- 8.9 Tung xúc xắc ở Indianapolis 231
- 8.10 Cạnh tranh để thu hút đầu tư trong phạm vi các nước 232
- 8.11 Điều chỉnh chiến lược FDI cho ngành công nghiệp máy tính của Mêhicô 233
- 8.12 "Các chương trình liên kết" thành công ở Xingapo và Ailen 234
- 8.13 Quan hệ đối tác giữa khu vực nhà nước và tư nhân trong nghiên cứu và triển khai 236
- 9.1 Đánh giá các nguyên tắc và tiêu chuẩn - cơ chế tuân thủ và tham gia 239
- 9.2 BITs - Nâng cao tín nhiệm từng bước một? 240
- 9.3 NEPAD và cơ chế đánh giá theo nhóm 242
- 9.4 Hệ thống giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nước sở tại đang phát triển 245
- 9.5 Hải hoà luật kinh doanh ở Châu Phi - OHADA 246
- 9.6 Hợp tác quốc tế chống tham nhũng 248
- 9.7 Tư nhân hoá hợp tác quốc tế về trách nhiệm xã hội của các công ty 249
- 9.8 Một hiệp định đa phương về đầu tư? 250
- 10.1 Các chương trình đa phương cho hỗ trợ kỹ thuật và môi trường đầu tư 260
- 10.2 Biết khi nào kết thúc: Các hoạt động tín dụng vi mô của UNDP ở Bangladesh 262

Bảng

- 1.1 Chính sách và hành vi của chính phủ và các quyết định đầu tư - một số thí dụ 29
- 2.1 Hồi lộ khác biệt lớn theo quy mô doanh nghiệp, ngành và vùng 54
- 3.1 Ai sáng tạo? 89
- 3.2 Các diễn đàn tham vấn giải quyết các vấn đề về môi trường đầu tư - một vài minh hoạ 95
- 5.1 Doanh nghiệp coi thuế suất là một trong những trở ngại hàng đầu của họ 144
- 8.1 Các khu chế xuất đã tăng đến con số hàng ngàn 227
- 8.2 Các khoản miễn giảm thuế suất thuế doanh nghiệp thực do có các ưu đãi thuế (%) 230
- 8.3 IPA không hề rẻ 233
- 8.4 Các ưu đãi tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai ở một số nước đang phát triển chọn lọc 236
- 10.1 Hỗ trợ cải cách môi trường đầu tư và cho các hãng và các giao dịch: trung bình năm giai đoạn 1998-2002 (tỷ USD năm 2001) 257
- 10.2 Các thước đo mới về môi trường đầu tư của Ngân hàng Thế giới 337
- A.1 Chỉ báo về môi trường đầu tư: Điều tra môi trường đầu tư của Ngân hàng Thế giới 339
- A.2. Các chỉ báo về môi trường đầu tư: hỏi chuyên gia và các điều tra khác 341
- Báo cáo phát triển thế giới cảm ơn tập đoàn PRG và Diễn đàn kinh tế thế giới đã cung cấp số liệu 345
- Phân loại các nền kinh tế theo vùng và thu nhập, năm tài khoá 2005 349
- 1 Các chỉ báo phát triển then chốt 350
- 2 Đói nghèo và phân phối thu nhập 352
- 3 Hoạt động kinh tế 354
- 4 Thương mại, viện trợ và tài chính 356
- 5 Các chỉ báo then chốt của các nền kinh tế khác 358